

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí
hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 2107/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng các nguồn kinh phí để hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí để hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ

1. Sử dụng nguồn thu do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy

định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa theo các nội dung hoạt động được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Việc phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ cho cấp huyện hàng năm căn cứ vào diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê, kiểm kê đất đai của năm liền kề trước năm kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Các cấp ngân sách được giao sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa (tỉnh, huyện) sau khi được phân bổ cụ thể theo Điều 3 Nghị quyết này thì sử dụng không thấp hơn 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các hoạt động được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Phân bổ, sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Đối với nguồn kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Hỗ trợ ngân sách cấp huyện 100% nguồn kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ ngân sách cấp tỉnh 80% từ nguồn kinh phí này để thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; trong đó, hàng năm trích không thấp hơn 5% để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

b) Hỗ trợ ngân sách cấp huyện 20% từ nguồn kinh phí này để thực hiện các hoạt động theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Riêng đối với huyện Yên Thành thực hiện theo khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách thực hiện các đề án trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Thành.

Điều 4. Định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Hỗ trợ sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất: Mức hỗ trợ tối đa 80% giá giống;

b) Hỗ trợ cho việc áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận: Mức hỗ trợ tối đa 80% kinh phí thực hiện nhiệm vụ hoặc mô hình áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn: Mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

d) Hỗ trợ cho hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa gạo: Mức hỗ trợ để thực hiện hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa gạo được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua chế phẩm cải tạo đất, mua vôi bột, phân bón hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm sinh học và các biện pháp cải tạo đất khác.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần”.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

5. Hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ, nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/giống.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 5 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu